

## 2.2. Tiêu chuẩn đánh giá về nhân sự chủ chốt: Không yêu cầu

### Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

Sử dụng tiêu chí đạt/không đạt để xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật.

Việc xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật dựa trên các yếu tố về khả năng đáp ứng các yêu cầu về số lượng, chất lượng, thời hạn giao hàng, vận chuyển, lắp đặt, bảo hành, cung cấp các dịch vụ sau bán hàng (nếu có), thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP, chất lượng hàng hóa tương tự được công khai theo quy định tại Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP (nếu có) và các yêu cầu khác nêu trong Chương V.

| Nội dung đánh giá                                                                                         |                                                                                                               | Sử dụng tiêu chí đạt, không đạt |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------|
| <b>1. Đặc tính kỹ thuật của hàng hoá</b>                                                                  |                                                                                                               |                                 |
| Các đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hoá                                                              | Có đặc tính, thông số kỹ thuật phù hợp, đáp ứng yêu cầu của E-HSMT (Chương V. Yêu cầu về kỹ thuật)            | Đạt                             |
|                                                                                                           | Không có đặc tính, thông số kỹ thuật phù hợp, đáp ứng yêu cầu của E-HSMT (Chương V. Yêu cầu về kỹ thuật)      | Không đạt                       |
| <b>2. Chất lượng hàng hoá</b>                                                                             |                                                                                                               |                                 |
| Hàng hoá mới 100%, sản xuất năm 2025 trở về sau                                                           | Hàng hoá đảm bảo mới 100%, sản xuất năm 2025 trở về sau                                                       | Đạt                             |
|                                                                                                           | Không có đảm bảo hàng hoá mới 100%, sản xuất năm 2025 trở về sau                                              | Không đạt                       |
| <b>3. Tiến độ cung cấp hàng hoá</b>                                                                       |                                                                                                               |                                 |
| Bảng tiến độ cung cấp hàng hoá hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất kỹ thuật và đáp ứng yêu cầu của E-HSMT | Có bảng tiến độ cung cấp hàng hoá hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất kỹ thuật và đáp ứng yêu cầu của E-HSMT  | Đạt                             |
|                                                                                                           | Không có tiến độ cung cấp hàng hoá hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất kỹ thuật và đáp ứng yêu cầu của E-HSMT | Không đạt                       |

| <b>4. Phạm vi cung cấp hàng hoá</b>                                                                       |                                                                                                                    |           |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|
| Biểu phạm vi cung cấp hàng hoá hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất kỹ thuật và đáp ứng yêu cầu của E-HSMT | Có biểu phạm vi cung cấp hàng hoá hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất kỹ thuật và đáp ứng yêu cầu của E-HSMT       | Đạt       |
|                                                                                                           | Không có biểu phạm vi cung cấp hàng hoá hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất kỹ thuật và đáp ứng yêu cầu của E-HSMT | Không đạt |
| <b>5. Bảo hành hàng hoá</b>                                                                               |                                                                                                                    |           |
| Thời gian bảo hành: tối thiểu 12 tháng kể từ ngày bàn giao hàng hoá                                       | Thời gian bảo hành: $\geq 12$ tháng kể từ ngày bàn giao hàng hoá                                                   | Đạt       |
|                                                                                                           | Thời gian bảo hành: $< 12$ tháng kể từ ngày bàn giao hàng hoá                                                      | Không đạt |

E-HSMT được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật khi có tất cả các tiêu chí tổng quát đều được đánh giá là đạt.

#### **Mục 4. Tiêu chuẩn đánh giá về tài chính**

##### **4.1. Phương pháp giá thấp nhất<sup>1</sup>:**

Cách xác định giá thấp nhất theo các bước sau đây:

Bước 1. Xác định giá dự thầu, giá dự thầu sau giảm giá (nếu có);

Bước 2. Xác định giá trị ưu đãi (nếu có) theo quy định tại Mục 28 E-CDNT;

Bước 3. Xếp hạng nhà thầu: E-HSMT có giá dự thầu sau khi trừ đi giá trị giảm giá (nếu có), cộng giá trị ưu đãi (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.

<sup>1</sup> Trường hợp áp dụng phương pháp này thì xóa bỏ khoản 4.2 Mục 4 Chương này. Đối với gói thầu mua sắm tập trung áp dụng lựa chọn nhà thầu theo khả năng cung cấp, áp dụng phương pháp giá thấp nhất.